TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24-4-2018

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Trung.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Quang Thương
Bà Tạ Thị Hương

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Vũ Văn Thắng - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 10, phường H, quận D, Hải Phòng. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ 10, phường H, quận D, Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2018, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là bà Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trịnh Văn L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới hai bên chung sống hòa thuận được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông L rượu chè, cờ bạc không quan tâm tới gia đình,vợ con; khi xảy ra mâu thuẫn còn có hành vi ngược đãi, đánh đập bà. Thời gian gần đây, mâu thuẫn ngày càng căng khẳng khi vợ chồng thường xuyên có nhiều bất đồng quan điểm sống và xảy ra cãi vã. Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng ăn ở sinh hoạt riêng, không còn quan tâm tới nhau về tình cảm và kinh tế gia đình. Hai vợ chồng đã hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không thành. Nay bà thấy tình cảm với ông L không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung là Trịnh Ngọc L, sinh năm 1990 và Trịnh Văn V, sinh năm 1992, các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai 28/3/2018, bị đơn ông L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận về thời gian kết hôn cũng như quá trình chung sống sau đó phát sinh mâu thuẫn như bà L trình bày là đúng. Nay bà L làm xin ly hôn, do vợ chồng chưa đăng ký kết hôn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nuôi con chung: Ông xác nhận vợ chồng có hai con chung như bà L trình bày, các con đã trưởng thành nên không phải giải quyết.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh, thu thập chứng cứ về việc đăng ký kết hôn giữa bà L và ông L; thông báo về phiên họp tiếp cận chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông L vắng mặt và có đơn đề nghị không hòa giải. Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông L đã được tống đạt hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông L. Về con chung và tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, thư ký tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị tòa án xử không công nhận bà Bùi Thị L và ông Trịnh Văn L là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng dân sự:

[1] Bà Bùi Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết ly hôn với ông Trịnh Văn L cư trú tại phường H, quận D, Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

[2] Ông Trịnh Văn L đã được Tòa án nhân dân quận D tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trịnh Văn L.

Về quan hệ hôn nhân:

[3] Bà Bùi Thị L và ông Trịnh Văn L xây dựng gia đình với nhau từ năm 1989, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tòa án nhân dân quận D đã thu thập chứng cứ về việc đăng ký kết hôn giữa bà L và ông L tại UBND phường H và tại Phòng tư pháp quận D, đều thể hiện trong sổ lưu đăng ký kết hôn từ năm 1989 đến nay không có trường hợp đăng ký kết hôn của bà L và ông L. Như vậy có cơ sở khẳng định: Bà Bùi Thị L và ông Trịnh Văn L chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình. Theo hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư L tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình: "... *4. Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình"* do đó tại phiên tòa hôm nay bà L yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông L là vợ chồng là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu của bà L.

[4]Về con chung: Bà L và ông L có 02 con chung là Trịnh Ngọc L, sinh năm 1990 và Trịnh Văn V, sinh năm 1992, các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Về tài sản chung: Bà L và ông L không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết.

[6]Về án phí: Bà L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[7]Về quyền kháng cáo: Bà L và ông L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị L và ông Trịnh Văn L

2. Về án phí: Bà L phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D theo biên lai thu tiền số 14069 ngày 29/01/2018.

3. Bà Bùi Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trịnh Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường H, quận D, HP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Trung